

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH B Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/DS-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH B Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh B Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh B Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh B Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CSXHVN

Địa chỉ: Phố LĐ, Phường HL, Quận HM, TP HN.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Đặng Thị H. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã HN

Địa chỉ: Đường TBH nổi dài, phường BS, thị xã HN, tỉnh B Đ.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TA, xã HC, thị xã HN, tỉnh B Đ

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn TA, xã HC, thị xã HN, tỉnh BD

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ngày 10/8/2015, bà Trần Thị V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có vay của Ngân hàng số tiền gốc 40.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò sinh sản, đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng, hiện nay đã quá hạn, lãi suất phát sinh là 4.182.947 đồng. Ngày 27/6/2018, vợ chồng ông L, bà V tiếp tục vay số tiền 12.000.000 đồng để xây hầm bioga và đóng giếng. Số tiền vay này chưa đến hạn trả nợ, nhưng vợ chồng ông L, bà V không trả nợ theo phân kỳ trong hợp đồng vay từ nhiều tháng nay, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần, lãi suất phát sinh đối với khoản vay này là 1.858.190 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Trần Thị V, ông Nguyễn Văn L trả cho Ngân hàng số tiền gốc 37.000.000 đồng và 6.041.137 đồng tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà V và người liên quan ông L không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BD: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Trần Thị V, ông Nguyễn Văn L trả cho Ngân hàng số tiền gốc 37.000.000 đồng và 6.041.137 đồng tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà V và ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này; ông L, bà V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông L, bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt. Đồng thời, vợ chồng ông L, bà V đã tự ý từ bỏ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thể hiện ý thức, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật; không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên ông bà phải chịu

trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[2] Căn cứ hợp đồng tín dụng do Ngân hàng cung cấp thấy rằng, vợ chồng ông L, bà V có nợ của Ngân hàng số tiền 37.000.000 đồng tiền gốc là có thật. Cụ thể đối với khoản vay tín dụng ngày 10/8/2015 với số tiền 40.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng, đã quá hạn, do vậy lãi suất phải trả theo thỏa thuận hợp đồng là 4.182.947 đồng. Đối với khoản vay 12.000.000 đồng, được phân kỳ trả nợ hàng 6 tháng một lần, tuy nhiên từ khi vay đến nay, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng có quyền khởi kiện. Lãi suất đối với khoản vay này là 1.858.190 đồng. Tổng số tiền phải trả đối với hai khoản vay cả gốc và lãi vợ chồng ông L, bà V phải trả cho Ngân hàng là 43.041.137 đồng(bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng)(trong đó có 37.000.000 đồng(ba mươi bảy triệu đồng) tiền gốc và 6.041.137 đồng(sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng) tiền lãi.

[3] Ông L bà V là vợ chồng, cùng thỏa thuận xác lập giao dịch vay tiền của Ngân hàng để phục vụ sinh hoạt gia đình thì phải có nghĩa vụ liên đới trả đủ tiền cho Ngân hàng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông L bà V phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 37.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 là 6.041.137 đồng, tổng cộng 43.041.137 đồng(bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông L bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $43.041.137 \text{ đồng} \times 5\% = 2.152.000 \text{ đồng}$.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã HN đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông L bà V phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 43.041.137 đồng và phải chịu án phí theo qui định, là phù hợp, đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc vợ chồng ông L, bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 43.041.137 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông L, bà V phải nộp 2.152.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước).

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Vương